TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **17**/2025/HNGĐ-ST Ngày 17/4/2025 V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Thân Văn Bình;
2/ Bà Vũ Thị Thu Ngát.
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Minh Trang- Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.
Ngày 17/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST- DS ngày 20/01/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/4/2025, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Lê Thị L) trình bày:
Chị L và anh L1 quen biết do mai mối, được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 26/02/2007. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà riêng ở Thôn L, xã T, huyện Y để cùng nhau phát triển kinh tế. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều

quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống, một phần do anh L1 thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị L. Nay chị L xác định không còn tình cảm gì với anh L1, vì vậy chị L đã làm đơn xin ly hôn anh L1, đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng chị L được ly hôn.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Hoàng Thi Thanh T, sinh ngày 15/11/2008; cháu Hoàng Thi Huyền M, sinh ngày 25/7/2010; cháu Hoàng Lê Trung T1, sinh ngày 12/12/2018. Ly hôn chị L và anh L1 đã thống nhất thỏa thuận, chị đồng ý để anh L1 nuôi dưỡng cả 3 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự thỏa thuận với anh L1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị L tự thỏa thuận với anh L1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn (anh Hoàng Văn L1) trình bày:* Anh L1 và chị L được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị ở riêng để hai vợ chồng cùng nhau phát triển kinh tế, cuộc sống sau hôn nhân hạnh phúc. Trong cuộc sống hằng ngày chỉ thỉnh thoảng hai bên có cãi vã do bất đồng ý kiến, anh L1 xác định vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Đến nay, chị L có yêu cầu ly hôn, anh L1 không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh L1 xác định vợ chồng anh có 03 con chung là cháu Hoàng Thi Thanh T, sinh ngày 15/11/2008; cháu Hoàng Thi Huyền M, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Hoàng Lê Trung T1, sinh ngày 12/12/2018. Ly hôn chị L và anh L1 đã thỏa thuận để anh L1 nuôi dưỡng cả 03 con chung cua vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L1 và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn L1;

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn L1 trực tiếp nuôi 03 con chung là cháu Hoàng Thi Thanh T, sinh ngày 15/11/2008; cháu Hoàng Thi Huyền M, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Hoàng Lê Trung T1, sinh ngày 12/12/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị L

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L1 cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Lê Thi L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1].1. Chị L làm đơn xin ly hôn anh L1, yêu cầu nuôi con chung, về tài sản không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về "ly hôn, nuôi con" quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Hoàng Văn L1 hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].3. Về việc vắng mặt của chị L, anh L1: Chị L, anh L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1.

[2]. Về nội dung:

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn L1 kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại bản khai của chị L xác định tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L1 thường xuyên say rượu, chửi bới, đánh đập chị L dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế cũng đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, chị L vẫn cương quyết ly hôn anh L1, tuy anh L1 không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không đưa ra được phương án, biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Xác minh tại địa phương cung cấp vợ chồng chị L, anh L1 xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân bắt đầu từ việc chị L, anh L1 mở quán kinh doanh bán bia, do anh L1 cục tính và hay ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi với chị L, chửi bới chị L. Từ đó trong cuộc sống vợ chồng rạn nứt, hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ

chồng không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L là phù hợp.

[2].2. Về con chung: Anh L1, chị L có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2008, cháu Hoàng Thị Huyền M, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Hoàng Lê Trung T1, sinh ngày 12/12/2018. Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2025 chị L và anh L1 đã thỏa thuận để anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 cháu. Xét thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu và tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự, việc giao 03 con chung cho anh L1 nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[2].3. Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị L, anh L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57; các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn L1;

Về con chung: Giao anh Hoàng Văn L1 trực tiếp nuôi 03 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh T, sinh ngày 15/11/2008; cháu Hoàng Thị Huyền M, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Hoàng Lê Trung T1, sinh ngày 12/12/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L1 cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001905 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Tiến Thắng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn